

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301505 - Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	ấ Quang An	26/06/1993	0.0	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3571011507	35CCĐ7	Nguy n V ấ Bĩ n	15/09/1993	7.5	9.0	7.0				7.8	2.3	5.5	3.9	6.2	
3	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh C ấ ng	05/11/1993	7.5	8.0	7.0				7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
4	3571011651	35CCĐ7	Nguy n Th ấ C ấ ng	20/07/1993	7.5	6.0	5.0				6.2	1.9	7.3	5.1	7.0	N HP
5	3571011629	35CCĐ7	Nguy n Ng c Duy	30/04/1993	8.0	6.0	6.0				6.7	2.0	4.0	2.8	4.8	N HP
6	3571011662	35CCĐ7	ấ ng Ti n ấ t	11/05/1993	5.0	6.0	5.0				5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	N HP
7	3571011614	35CCĐ7	Lê Ph ấ c ấ t	13/09/1993	9.0	6.0	7.0				7.3	2.2	5.3	3.7	5.9	
8	3571011561	35CCĐ7	Phan T n ấ t	04/05/1993	9.0	9.0	7.0				8.3	2.5	7.3	5.1	7.6	
9	3571011711	35CCĐ7	D ấ ng H i ấ ấ ng	07/10/1993	8.5	7.0	7.0				7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
10	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh ấ m	01/04/1993	8.0	6.0	5.5				6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	N HP
11	3571011729	35CCĐ7	Phan Ti n ấ i p	07/04/1989	0.0	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
12	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ấ Hà	20/12/1993	5.0	7.0	5.0				5.7	1.7	5.3	3.7	5.4	
13	3571011627	35CCĐ7	Tr ấ ng Ho ấ ng H i	02/05/1993	9.0	9.0	7.5				8.5	2.6	6.3	4.4	7.0	
14	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh Ho ấ ng	01/01/1993	6.0	6.0	5.0				5.7	1.7	4.0	2.8	4.5	
15	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ấ m h Hòa	06/01/1993	7.0	7.0	5.0				6.3	1.9	4.0	2.8	4.7	N HP
16	3571011516	35CCĐ7	Nguy n Xu ấ n Huy	19/05/1993	7.0	6.0	5.0				6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
17	3571011642	35CCĐ7	Tr n Minh Huy	16/06/1993	7.0	6.0	6.0				6.3	1.9	3.3	2.3	4.2	N HP
18	3571011824	35CCĐ7	Tr n V ấ h Huy	12/09/1993	7.0	5.0	6.0				6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
19	3571011512	35CCĐ7	Nguy n Thanh H ấ ng	01/02/1993	8.0	7.0	5.0				6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301505 - Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011681	35CCĐ7	ấ o ấ T n H ng	24/06/1992	7.0	7.0	5.5				6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
21	3571011497	35CCĐ7	Nguy n V ấ Nh Ng ấ	05/01/1993	7.0	6.0	5.0				6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
22	3571011560	35CCĐ7	ấ ng Trung Ng ấ n	10/01/1993	7.0	8.0	5.5				6.8	2.0	3.5	2.5	4.5	
23	3571011721	35CCĐ7	Nguy n Ng c	20/05/1993	5.0	6.0	5.5				5.5	1.7	4.8	3.4	5.0	
24	3571011465	35CCĐ7	Nguy n H ấ Anh Ng c	10/06/1993	9.0	6.0	6.0				7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
25	3571011712	35CCĐ7	L 2 Ph c Nh ấ n	04/09/1993	8.0	9.0	7.0				8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
26	3571011471	35CCĐ7	Tr n Quang Nh t	04/07/1993	7.0	7.0	5.5				6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	N HP
27	3571011677	35CCĐ7	Hu ấ nh Ng c Ph ấ t	02/09/1993	9.0	7.5	8.0				8.2	2.5	5.8	4.1	6.5	N HP
28	3571011717	35CCĐ7	Nguy n H u Ph ng	20/05/1993	7.0	7.0	4.5				6.2	1.9	3.5	2.5	4.3	
29	3571011807	35CCĐ7	Nguy n Ng c S n	25/03/1993	9.0	8.0	7.5				8.2	2.5	5.8	4.1	6.5	
30	3571011511	35CCĐ7	Tr nh Ho ấ S n	30/10/1993	5.0	4.0	5.0				4.7	1.4	3.5	2.5	3.9	N HP
31	3571011499	35CCĐ7	Nguy n Anh Tài	26/02/1991	7.5	7.0	5.0				6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	N HP
32	3571011601	35CCĐ7	Nguy n ấ c Tài	30/04/1992	9.0	8.0	6.0				7.7	2.3	5.0	3.5	5.8	
33	3571011491	35CCĐ7	Ph m Nh t Tân	20/04/1993	5.0	7.0	5.0				5.7	1.7	5.3	3.7	5.4	
34	3571011607	35CCĐ7	H L 2 Minh Tín	24/07/1993	6.5	6.0	5.0				5.8	1.7	3.0	2.1	3.9	
35	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng Tín	30/12/1993	8.0	6.0	5.0				6.3	1.9	5.0	3.5	5.4	
36	3571011529	35CCĐ7	VH Ph m Tu ấ n	02/01/1990	5.0	5.0	5.0				5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
37	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang Tu n	21/02/1993	6.0	8.0	5.0				6.3	1.9	5.5	3.9	5.8	
38	3571011840	35CCĐ7	Nguy n Hu ấ nh T ấ ng	14/02/1992	7.0	8.0	7.0				7.3	2.2	3.5	2.5	4.7	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 132017301505 - Thi c ầ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011657	35CCĐ7	ấ Ng c Tú	16/06/1993	7.5	6.0	6.0				6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
40	3571011639	35CCĐ7	ấ nh V ấ Thân	07/08/1992	6.0	5.0	5.0				5.3	1.6	6.5	4.6	6.2	N HP
41	3571011650	35CCĐ7	B ị Qu c Thi	16/08/1993	9.0	9.0	9.0				9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
42	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh Tri u	20/07/1993	9.0	7.0	6.5				7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
43	3571011638	35CCĐ7	ấ ng Th ấnh Trung	30/12/1993	9.0	8.0	8.0				8.3	2.5	4.8	3.4	5.9	
44	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang Trung	15/06/1993	9.0	7.5	9.0				8.5	2.6	6.3	4.4	7.0	
45	3571011600	35CCĐ7	L i V ấnh Viên	10/02/1993	0.0	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3571011616	35CCĐ7	ấ nh Qu c V ng	02/09/1992	5.0	7.0	8.0				6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	
47	3571011758	35CCĐ7	L ² ấ nh V ng	12/08/1993	7.0	7.0	6.5				6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	
48	3571011481	35CCĐ7	Ch ^a u Tri u V	21/03/1993	9.0	6.0	5.0				6.7	2.0	5.5	3.9	5.9	
49	3571011825	35CCĐ7	Tr nh Ho ấ V	02/02/1992	7.5	7.0	5.0				6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	N HP

T ng s : 49 h c sinh sinh vi² n
Tr ng Khoa Gi o Vi² n B M ầ n Gi o V Khoa
Tp.HCM, ngày / /